

Nhà văn - chủ thể thẩm mĩ

5.1 Tài năng

Tác phẩm văn học là sản phẩm của con người. Nhưng không phải ai cũng có khả năng sáng tạo nên tác phẩm văn học. Phải là người có những phẩm chất và tài năng đặc biệt mới có thể làm được điều đó.

Điều này đã được chú ý từ rất lâu. Ở phương Tây, nhà triết học cổ đại Hi Lạp Platô¹ cho rằng, tài năng là kết quả mà thần linh hỗ trợ và ban cho con người. Trong thiền *Phedra*, Platô¹ viết: “Cảm hứng... xuất phát từ các Nàng Thơ, sau khi đã xâm chiếm được tâm hồn dịu dàng và trong sạch, làm thức tỉnh tâm hồn, trạng thái này sẽ được tuôn hòa vào trong các bài thơ”¹. Vì thế, bí mật của tài năng là điều bất khả tri, tài năng là bí mật của sáng tạo nghệ thuật. Tài năng xác định khoảng cách giữa con người bình thường và con người bất tử nhờ nghệ thuật.

Ở Trung Quốc và Việt Nam, cũng có nhiều lời bàn về các phẩm chất ưu tú của nghệ sĩ, thánh nhân của từng thời. Theo Lưu Hiệp “Vị thánh nhân sinh ra đã biết là vi diệu, lấy thông minh sáng láng làm chủ, cái lẽ tinh hoa của thánh nhân thành văn, các khí đẹp để thành hình thức. Thánh nhân như mặt trời mặt trăng treo cao. Lời thánh nhân giàu như núi sông. Trăm năm đi qua, nhưng lòng thánh nhân vẫn tồn tại mãi hàng nghìn năm” (Thiên Trung thánh - Văn tâm điêu long). Lê Thánh Tông ca ngợi nhà văn chân chính là người vừa có đức, có tài, lại chuyên tâm rất mục: “Tấm lòng trong sạch như băng ngọc”, “Cách điệu thanh cao, ý tứ lạ thường” (*Văn nhân*)². Phan Huy Chú cho rằng nhà văn có “khả năng diễn đạt tình cảm đến tột mức và thu lượm được mọi cảnh hay việc lạ”. Những phẩm chất đó có được vừa do thiên bẩm vừa là kết quả của rèn luyện: “Không đọc hết muôn cuốn sách, không xem xét khắp tám cõi thì không thể đạt tới chỗ sâu rộng để cho văn thơ làm ra có

¹ Arnaudop. *Tâm lí học sáng tạo văn học*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1978, trang 12-13

² Hợp tuyển thơ văn Việt Nam, tập 2, Nxb Văn học, Hà Nội, 1962, trang 33

thể lưu truyền đến đời sau”³.

Theo tâm lí học hiện đại, tài năng là những tiềm lực tinh thần, là những khả năng và phẩm chất thông thường nhất, nhưng tập trung và phát triển mạnh mẽ, tạo nên năng lực thực hiện tốt một công việc nào đó hơn hẳn những người khác. Đối với một nhà văn, có thể nhắc đến một số những năng lực cơ bản như sau: năng lực cảm thụ thẩm mĩ; tình cảm và trực giác, tưởng tượng; năng lực biểu hiện.

5.1.1 Năng lực cảm thụ thẩm mĩ

Đó là năng lực *phát hiện được đối tượng thẩm mĩ với những giá trị thẩm mĩ* ở đằng sau vô vàn các hiện tượng đời sống. Một cánh hoa nở vượt tường là sức sống không kìm hãm nổi của tự nhiên, của mùa xuân, của tuổi trẻ: *Sắc xuân khôn khóa then cài, Một cành hồng hạnh mọc ngoài tường hoa* (thơ Diệp Thiệu Ông). V. Huygô nhìn thấy dáng người gieo hạt trên đồng là bức tượng đài của con người đang gieo sự sống mang tầm vóc vũ trụ. L. Tônxtôi nhìn thấy qua cây sồi hùng vĩ và điệu múa dân gian sức sống bất diệt của tâm hồn Nga. Đốpgiencô từng nói: “Hai người cùng nhìn xuống, một người nhìn thấy vũng nước, còn người kia nhìn thấy những vì sao” là nói tới khả năng khám phá những giá trị thẩm mĩ này.

Những giá trị thẩm mĩ đó là *những cái đẹp, những điều mới lạ, sâu sắc trong cái hàng ngày, mang bản chất đời sống và ý nghĩa nhân sinh sâu sắc, có khả năng làm rung cảm lòng người*. Pautôpxki đã nói về những bụi vàng luôn lấp lánh trong bụi bặm của cuộc đời, từ đó có thể kết tinh thành những bông hồng vàng, là nói đến những giá trị thẩm mĩ có ở khắp mọi nơi trong đời sống vậy. Nhưng không phải ai cũng phát hiện được những giá trị đó. Cũng giống như giữa ngàn người mà chỉ có Biện Hòa người nước Sở đã nhìn thấy ngọc trong viên đá xù xì. Biêlinxki từng nói: nhiệm vụ của nhà thơ là rút ra chất thơ từ trong cái văn xuôi của đời sống là vì thế.

Để có thể phát hiện những giá trị thẩm mĩ ở khắp nơi trong đời sống, nhà văn phải có một *hệ thần kinh nhạy bén* với khả năng quan sát, nắm bắt và ghi nhớ các cảm thụ ấn tượng của mình về thế giới với những tình cảm mãnh liệt.

Tài quan sát sẽ giúp tái hiện đời sống được y như nó đang có thực với bao chi tiết sống thuyết phục. Gorki nói rằng, chỉ cần miêu tả ánh sáng loé lên từ mảnh chai vỡ là có thể biết được ấy là một đêm trăng. Chỉ miêu tả một màu xanh nước biển Cô Tô mà Nguyễn Tuân đã phải dùng đến một bảng màu xanh cực kì phong phú và cũng tương tự, Tô Hoài đã dùng một bảng màu vàng đủ các cung bậc tinh tế để viết về màu vàng của ngày nắng thôn vùng bắc bộ.

Sự quan sát không chỉ dừng lại ở bề ngoài, mà còn phán đoán, nhận biết những quy luật và bản chất đời sống, phát hiện những điều sâu kín trong tâm hồn của con người mà không ai dễ dàng nhìn thấy. Phép biện chứng tâm hồn của L. Tônxtôi là thí dụ.

Bên cạnh đó, nghệ sĩ còn cần đến một vốn *kiến thức bao quát* từ văn hóa, nghệ thuật đến triết học, tôn giáo, lịch sử, kinh tế, xã hội, con người..., để có khả năng dựng lên được những bức tranh đời sống mang giá trị hiện thực và tư tưởng cao, như bộ *Sử ký* (Tư Mã Thiên), *Chiến tranh và hòa bình* (L. Tônxtôi), *Tán trò đời* (Bandăc), *Hội chợ phù hoa* (Tháccorây).

³Phạm Phú Thứ, Bàn về thơ của Phan Lương Khê, Giá Viên toàn tập. Theo Họp tuyển thơ văn Việt Nam (sách đã dẫn), trang 75

Kiến thức chung sẽ tạo nên chất lượng tác phẩm: *Độc sách phá vạn quyển, hạ bút như hũn thàn* như lời Đỗ Phủ.

Vốn kiến thức sâu rộng còn là kết quả của cuộc dấn thân tích cực vào đời sống của nghệ sĩ. Người ta gọi Tư Mã Thiên là “nhân vật văn hóa khổng lồ của Trung Quốc cổ đại”, Đỗ Phủ là “thi thánh”, L. Tônxtôi là “tấm gương của cách mạng Nga”, M. Gorki là “con chim báo bão của cách mạng vô sản”... chính vì họ đã trải nghiệm một cuộc đời phong phú, năng động với nhiều nghề nghiệp, đi qua nhiều vùng đất, tiếp xúc đủ loại người, chứng kiến những biến cố lớn của lịch sử. Những kinh nghiệm sống đó đều để lại trên trang văn, lời thơ, bức họa, lời ca mà không một trí tưởng tượng nào có thể thay thế nổi. Về điều này, Lục Du (nhà thơ đời Tống) có nói: “Công phu của thơ chính là ở ngoài thơ”, còn các nhà văn Việt Nam cũng phát biểu tương tự: “Tôi muốn nhấn mạnh một điều mà tôi đã nói nhiều là, muốn viết văn, trước hết phải sống. Đừng có cậy ở thiên tài. Thiên tài chỉ cho ta nghệ thuật, sống mới cho ta nội dung”⁴.

Vốn kiến thức sâu rộng sẽ là chất lượng của nội dung tác phẩm. Vốn sống sẽ giúp cho nghệ sĩ khả năng phán đoán và lí giải các hiện tượng đời sống một cách thuyết phục.

5.1.2 Giàu tình cảm, giàu khả năng trực giác và tưởng tượng

Năng lực quan sát và phát hiện thẩm mĩ gắn liền với bản chất *giàu tình cảm, khả năng trực giác và tưởng tượng*.

Nghệ sĩ mang một hệ thần kinh nhạy bén, trước một hiện tượng thẩm mĩ thường xúc động mãnh liệt, dẫn đến khát khao bày tỏ những nhận thức, kinh nghiệm, ấn tượng, cảm xúc của chính mình. Điều đó có được do bản chất *giàu tình cảm* của người nghệ sĩ.

Tình cảm là thái độ của con người trước hiện thực. Niềm kính phục, trân trọng cái cao cả, niềm rung động trước cái đẹp, nỗi đau của những bi kịch, tiếng cười đối với cái thấp kém, xấu xa, phi chuẩn mực... là sự trả lời bằng tinh thần của con người đối với đời sống.

Phẩm chất giàu tình cảm khiến nghệ sĩ dễ rung động trước mọi sự kiện, biến cố, từ quá khứ đến hiện tại. Nghệ sĩ có thể xúc động trước những sự kiện lớn lao của đất nước, dân tộc, nhưng cũng động lòng trắc ẩn, chia sẻ mọi niềm vui, nỗi buồn qua nhiều hiện tượng đời sống và những số phận nhỏ bé bình dị. Tâm lòng dễ rung động trước hiện thực ấy sẽ là động cơ, cội nguồn của sáng tạo. Mà tình cảm của nghệ sĩ thường được nâng lên đến mức mãnh liệt. Mộng Liên Đường chủ nhân đã đánh giá mức độ tình cảm này trong *Truyện Kiều*: “Lời văn tả ra hình như máu chảy ở đầu ngọn bút, nước mắt thẩm ở trên tờ giấy, khiến ai đọc đến cũng phải thấm thía ngậm ngùi, đau đớn như đứt ruột... Nếu không phải có cái con mắt trong thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời, thì tài nào có cái bút lực ấy”⁵.

Chính vì nặng về tình cảm như thế, nên mọi nghệ sĩ lớn đều có những *khát vọng tinh thần mạnh mẽ*. Khát vọng về cái đẹp, về sự kiềm tinh sáng tạo những giá trị thẩm mĩ mới mẻ, về sự khẳng định tài năng cá nhân, về những giá trị cao đẹp của con người..., thường được thể hiện qua chí khí và ước mơ nhân vật: *Cả đời chỉ biết cúi lạy hoa mai* (Cao Bá Quát), *Chọc trời khuấy nước mặc dầu, Dọc ngang nào biết trên dầu có ai* (Nguyễn Du), *Cả một đời tôi, tôi sẽ chỉ viết một quyển thôi, nhưng quyển ấy sẽ ăn giải Noben và dịch ra đủ mọi thứ tiếng trên hoàn cầu* (Nam Cao)... Với những khát vọng lớn như thế, nên trong cuộc

⁴ Nguyễn Công Hoan. *Dời viết văn của tôi*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1971, trang 394

⁵ Nguyễn Du. *Tác giả, tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999, trang 168

đời, nhà văn thường là những người có những đóng góp lớn vào tiến trình tiến bộ xã hội. Những khát vọng cao cả ấy khiến cho văn học, nghệ thuật mãi mãi là đỉnh cao của những giá trị tinh thần của con người.

Năng lực quan sát và phát hiện thầm mĩ còn gắn liền với khả năng *trực giác*. Trực giác là khả năng nhận thức trực tiếp, không bằng suy luận của lí tính. Nói cách khác, đó là việc tiếp nhận thế giới bằng trực cảm, qua những phán đoán cảm tính, trực tiếp, nhanh nhạy, không có suy lí, phân tích, không thể hoặc rất khó chứng minh. Vì sao *một tiếng kêu vang lạnh cả trời, nụ tầm xuân nở ra xanh biếc, khi chia tay mắt đựng đầy hoàng hôn?* Ta chỉ gặp những liên hệ rất xa xôi mờ nhạt trong những kết cấu hình tượng ấy. Trực giác nghệ thuật, do đó, là khả năng nhanh nhạy trong việc nắm bắt các bản chất và quy luật đời sống và thể hiện nó bằng các hiện tượng nghệ thuật độc đáo. Với trực giác thầm mĩ, các nhà văn tạo được những hình ảnh và viết được những câu thơ câu văn đặc sắc, đầy hình ảnh, đầy cảm giác, vừa lung linh huyền ảo, vừa phi lí vừa mông lung song cũng đầy sức quyến rũ: *gươm mài bóng trăng* (Đặng Dung), *hai sắc hoa tigôn* (TTKH), *cuộc chia li màu đỏ* (Nguyễn Mỹ), *hạc vừa kêu vừa bay thẳng thốt* (Nguyễn Huy Thiệp), *trái đất như giọt lệ giữa không trung* (Xuân Diệu)... Người xưa xem trực giác là giây phút thần linh soi sáng, có người cho đó là sản phẩm của bản năng, vô thức. Thực ra, trực giác này sinh trên cơ sở vốn sống phong phú, sự chú ý tập trung đầy cảm hứng và sự nhạy bén của cảm giác. Kinh nghiệm sống, tri thức càng nhiều thì trí tưởng tượng, và những phán đoán càng tinh vi, nhạy bén. Như vậy, trực giác là kết quả của quá trình nhận thức lâu dài về một điều gì, để đến một lúc nào đó, đột xuất, nghệ sĩ phát hiện được những điều chưa biết một cách bất ngờ, nhanh chóng đặc biệt. Những chi tiết, hình ảnh, câu thơ kiệt xuất thường là kết quả của trực giác nghệ thuật, của linh cảm và sự tinh nhạy của các giác quan. Nếu như trực giác giúp cho các nhà khoa học như Mendêlep tìm ra bản tuần hoàn các nguyên tố hóa học, Niuton phát hiện ra lực vạn vật hấp dẫn khi nhìn trái táo rơi, thì trong nghệ thuật cũng có hiện tượng tương tự. Hình ảnh vòng hoa tên mộ Hạ Du là hình ảnh dự cảm trực giác về một tương lai tươi sáng của cách mạng Trung Quốc, mà chính khi đó khi Lỗ Tấn cũng chưa biết tương lai đó sẽ ra sao. Hay hình ảnh mặt trời đen lùng lũng trong đoạn kết của *Sông Đông êm đềm* (Sôlôkhôp), như biểu tượng về niềm tuyệt vọng lớn lao của con người trước tất yếu của lịch sử. Người ta vẫn nói: “Phàm đại giác mới có đại mộng” (*Mai đình mộng kí* - Phạm Huy Hồ) là vì vậy.

Tưởng tượng, theo nghĩa thông thường là một thao tác tư duy hình dung sự vật (đã có, hoặc chưa từng có) trong đầu óc. Đây là một năng lực tư duy phổ biến. Em bé bán diêm của Andécxen đã từng tưởng tượng thấy bà nội của mình hiện lên trong đêm giáng sinh rét mướt, còn cô gái quan họ lại mong rằng sông chỉ hép một gang để bắc chiếc cầu giải? yếm sang sông. Song, ở người nghệ sĩ, năng lực này được tập trung cao độ, phong phú và mãnh liệt nhất.

Trong sáng tác nghệ thuật, tưởng tượng là khả năng cấu trúc mới các yếu tố của kinh nghiệm, giúp phá vỡ không gian và thời gian để tạo nên những sáng tạo nghệ thuật mới. Sức sáng tạo của tưởng tượng trước hết là khả năng hình dung ra các sự vật sống động như nó đang hiện ra trước mắt. Đó là bản đàm gợi cảnh: *Mâm ngọc đâu bồng nảy hạt châu, trong hoa oanh ríu tíu nhau, nước tuôn róc rách chảy mau xuồng ghềnh...* Trí tưởng tượng còn tạo nên những kết hợp mới mẻ, thoát ra khỏi kinh nghiệm, tạo nên những ảo ảnh, những hình thức và quan hệ mới với những giá trị mới. Nó làm cho vật vô tri trở nên có linh hồn: *Khăn*

thương nhớ ai, khấn rơi xuống đất. Cái vô hình trở thành hữu hình: nỗi nhớ và sự cô đơn biến thành hình ảnh: *Vầng trăng ai xé làm đôi, Nửa in gói chiếc, nửa soi dặm trường.* Cái trầu tượng được cụ thể hóa: ước mơ về hòa bình hạnh phúc, ấm no được thực hiện qua tiếng đàn đuổi giặc, nồi cơm ăn hết lại đầy của chàng Thạch Sanh. Nghĩa là tưởng tượng đã cấp cho những hình thức đời sống một ý nghĩa, một sự sống, mà người ta gọi là sinh mệnh hóa vũ trụ⁶, để hữu hình hóa, vật chất hóa những khát vọng tinh thần của con người.

Tưởng tượng còn là sự liên kết và tổ chức các yếu tố đời sống thông qua dòng liên tưởng để tạo thành hình tượng. *Liên tưởng* là khả năng phát huy kho dự trữ, ẩn tượng, kinh nghiệm vốn nằm trong tiềm thức để phát hiện những mối liên hệ ngẫu nhiên, vô tình nằm trong bản chất sự vật. Liên tưởng là đường dây nối liền những hiện tượng riêng rẽ thành mạch nguồn thống nhất. Nó bắc cầu giữa các không gian và thời gian khác nhau, giữa quá khứ và hiện tại, giữa trí nhớ và linh cảm, nối vô thức và hữu thức. Trước một hiện tượng đời sống, liên tưởng giúp phát hiện các quan hệ, các đặc điểm bản chất, làm cho hiện tượng đó trở nên có nhiều tầng ý nghĩa. Một vòng cùi chỏ chim cu dưới con mắt nhà thơ Chế Lan Viên gợi về sức sống mãnh liệt của đất nước và con người Việt Nam những tháng năm chống Mỹ và cả những tình cảm lứa đôi đầm thắm đậm màu sắc dân tộc. Những mối liên hệ ấy có khi thuộc về những kinh nghiệm cá nhân: *Ăn trái gấm nhớ trái dừa tha thiết, Tắm vũng suối trong nhớ biển biếc bao la* (Thu Bồn), hoặc thuộc về kinh nghiệm cộng đồng, thời đại: *Những năm mỗi chú bé đều nằm mơ ngựa sắt, Mỗi con sông đều muôn hóa Bạch Dằng* (Chế Lan Viên). Dựa trên những mối liên tưởng, tương đồng, đối lập giữa các yếu tố đời sống, hình tượng nghệ thuật trở nên phong phú về ý nghĩa và giá trị thẩm mĩ, mang một chiều sâu không gian và thời gian với một? ý nghĩa khái quát.

Trí tưởng tượng giúp nghệ sĩ nhập thân vào nhân vật, vào các tình huống, tham dự vào đời sống nhân vật một cách sống động, chịu đựng các xúc động tinh thần như chính nhân vật để có thể miêu tả được những suy nghĩ, tình cảm và cách ứng xử của nhân vật trong từng điều kiện cụ thể.

Tưởng tượng nhạy bén, giúp phát huy mọi khả năng tiềm thức, vô thức, tình cảm, gọi là linh cảm, làm vút sáng những phán đoán, những mối liên kết hình tượng, nối kết ý nghĩa và hình tượng, làm cho tác phẩm hoàn thành nhanh chóng.

Trí tưởng tượng có phần gắn với ước mơ, một phẩm chất đặc biệt của trí tuệ và tâm hồn con người. Con người từng mơ ước bay lên không trung với tấm thảm bay, vượt không gian với đôi giày bảy dặm, khắc phục mọi giới hạn của con người bằng cây đèn thần. Những tưởng tượng này chứa đựng rất nhiều những khát khao mãnh liệt. Bằng trí tưởng tượng, con người có khả năng chiến thắng mọi hố hàn của đời sống hiện thực, làm thoả mãn những nhu cầu khát vọng tinh thần của chính mình.

Vì thế, trí tưởng tượng đã đưa chúng ta đến với những hình tượng nghệ thuật diệu kì, đột xuất, táo bạo, mang tính thẩm mĩ cao như hình tượng kì vĩ của những Hécquyn, Prômêtê, Tôn Ngộ Không, Dam Sam, Thánh Gióng, đưa chúng ta vào những khung cảnh đền đài tráng lệ của *Một nghìn một đêm lẻ*, vào đêm trăng sáng có tiếng quạ kêu với Tào Tháo dựng ngang mũi kích ngâm thơ trước trận hoả chiến Xích Bích kinh hồn... Những hình tượng ấy tạo nên sức quyến rũ mê say đến không ngờ. Thật chí, có những hình tượng nghệ thuật đẹp đẽ, kì diệu đến mức người đời phải công nhận nghệ sĩ đã được thần linh phù trợ khi

⁶Chu Quang Tiềm. *Tâm lí văn nghệ*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1991, trang 298

sáng tạo: huyền thoại về chàng Uylitxơ, mười hai chiến công của Hécquyn, các cuộc tình Liêu Trai...

Tưởng tượng gắn chặt với cảm xúc. Cảm xúc càng mạnh mẽ, tưởng tượng càng bay bổng. Theo Phørørt, cơ chế tưởng tượng thường được kích thích bởi một rung cảm thực sự mạnh mẽ, làm thức dậy trong nhà văn những chuyện cũ mà phần nhiều thuộc về những trải nghiệm ấu thơ, thuộc điểm xuất phát của cái nguyên vẹn đang tìm kiếm sự thực hiện trong tác phẩm⁷. Lưu Hiệp nói: Trong giây phút cảm hứng xúc động, trí tưởng tượng như được chắp cánh⁸. Tình cảm làm cho trí tưởng tượng có độ nhạy cảm, góp phần vào việc lựa chọn hình tượng phù hợp với sự diễn tả tình cảm. Nếu không có niềm khát khao mãnh liệt về hạnh phúc lứa đôi, người con gái trong ca dao không thể nghĩ đến áo bao nhiêu nếp, đinh bao nhiêu ngói, cầu bao nhiêu nhịp, để mỗi tương tư nặng sầu bấy nhiêu.

Con người có những bước nhảy táo bạo trong trí tưởng tượng, nhưng nói chung, mỗi hành vi tinh thần đều phục tùng lí tính. Vì thế, trí tưởng tượng không hề tách rời lí trí. Theo Phêđin, tưởng tượng càng thâm nhuần lôgic bao nhiêu càng không có giới hạn bấy nhiêu⁹. Cội nguồn lí trí của tưởng tượng làm cho bức tranh đời sống được miêu tả trở nên những hình tượng nghệ thuật giàu ý nghĩa và sức thuyết phục. Màu quan san trong bức tranh lí biệt của Thúc Sinh và Thúy Kiều gợi tới không khí của những biến ải, đường xa vô tận, không gian quanh vắng, nỗi nhớ nhung vời vợi... vốn đã từng có trong thơ cổ Trung Quốc.

Tưởng tượng do đó là sự thăng hoa của cả cảm xúc và trí tuệ. Ta khó phân biệt được trong các hình tượng nghệ thuật độc đáo: Tôn Ngộ Không, Đường Tăng, Trư Bát Giới, Rômêô và Jiuliét, Đôn Kihôtê, đến những hình ảnh hoa đào năm ngoái, nghìn năm mây trăng bấy giờ còn bay... đâu là kết quả của cảm xúc, đâu là kết quả của trí tuệ. Vì thế, có người nói, thơ là “sự lung linh giữa khả giải và bất khả giải” là như vậy.

Vai trò của tưởng tượng đã được ghi nhận: Trí tưởng tượng chắp cánh bay ra ngàn dặm (Lưu Hiệp)¹⁰, Ngọn nguồn của các tác phẩm nghệ thuật là hoạt động tự do của tưởng tượng (Hêghen)¹¹. Cho nên, có thể khẳng định, “nghệ thuật là dựa vào trí tưởng tượng mà tồn tại” (Gorki)¹².

5.1.3 Năng lực thể hiện thẩm mĩ

Năng lực thể hiện thẩm mĩ là năng lực sáng tạo tác phẩm nghệ thuật. Trước hết, đó là *năng lực cấu tứ*, nghĩa là năng lực tổ chức, bố cục, xây dựng hình tượng nghệ thuật thành một chỉnh thể có ý nghĩa khái quát.

Cấu tứ còn là làm sao dựng một hình thức đời sống có được một ý nghĩa, một nội dung, một tư tưởng, một quan niệm hoặc một trạng thái nhân sinh. Nói cách khác, tức là một tư tưởng, một ý đồ, một cảm xúc có được một hình thức thể hiện độc đáo không lặp lại. Tùy theo mỗi ngành nghệ thuật, mỗi thể loại nghệ thuật, lại có những năng lực cấu tứ khác nhau. Thí dụ, chùa Một cột mang dáng bông hoa sen đang vươn lên trên mặt nước, nhà hát opera ở Xítnây có dáng như những cánh buồm đang tung gió cạnh bờ biển, Kim tự tháp

⁷Theo Vugôtxki. *Tâm lý học nghệ thuật*, Nxb KHXH, Hà Nội, 1995, trang 137

⁸Theo Khâu Chân Thanh. *Lý luận văn học, nghệ thuật cổ điển Trung Quốc*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1985, trang 185

⁹Theo Xâylin. Lao động nhà văn (sách dã dẵn), trang 177

¹⁰Theo Khâu Chân Thanh (sách dã dẵn), trang 184

¹¹Hêghen, *Mĩ học*, tập 1 (sách dã dẵn), trang 62

¹²Theo Khâu Chân Thanh (sách dã dẵn), trang 184

như những bậc thang bắc lên trời. Trong các khu vườn kiến trúc, cầu tứ rất rõ rệt. Ở một khu vườn đá Nhật Bản, có sắp xếp 15 hòn đá, nhưng ở bất cứ vị trí nào, người ta cũng chỉ thấy có 14 hòn đá. Điều ấy như muốn nói một triết lí nhân sinh: bao giờ cũng có mặt khuất lấp của cuộc đời mà con người không thể thấu hiểu hết được. Trong hội họa, thí dụ với chủ đề *Loan sơn tàng cổ tự nghĩa* (Núi râm giấu chùa xưa), người ta không vẽ chùa, chỉ vẽ rừng rậm và chú tiểu đang ra suối kín nước, hoặc chủ đề *Dã thuỷ vô nhân độ, Cố chu cánh nhật hoành* (Sông quê chảng khách vãng lai, Thuyền cõ đơn cù suốt ngày quay ngang), người ta vẽ một dòng sông, con thuyền và ông lái đò đang nằm thổi sáo. Tạo hình như thế nào để phù hợp với ý tưởng một cách độc đáo như thế, gọi là cầu tứ.

Đối với nhà văn, năng lực cầu tứ thể hiện ở nhiều cấp độ, ở một bài thơ, đó là việc làm cho bài thơ có một tính chỉnh thể xuyên suốt, một ý, một nội dung được thể hiện trong những hình khối, hình ảnh, ngôn từ phù hợp như một cơ thể sống. Bài thơ *Mùa lá rụng* (Ônga Bécgôn) là một cầu tứ đẹp: trái tim nhạy cảm, dễ bị tổn thương tương đồng với hàng cây mùa lá rụng. Bài thơ trên đỉnh Côn Sơn của Trần Đăng Khoa cũng vậy: đứng trên núi, vướng hương đồng, chiều ở nhà, lòng lộng gió núi. Hai noi hoán đổi cho nhau, noi này gợi nhớ noi kia. Nhưng cũng có khi tứ chỉ là một ý nhỏ, được cấu trúc trong một âm thanh, một hình ảnh đẹp: *Mộng anh hường tìm mồi em bói đở, Giàn trầu già, khua những át cơ rơi* (Lê Đạt).

Trong cầu tứ, các mẫu gốc, *các mô típ thần thoại, các kí ức tuổi thơ có tác động rất mạnh*. Mẫu gốc là những kí ức tập thể của nhân loại hay dân tộc tồn tại trong vô thức cá nhân. Nó cung cấp những chủ đề, những mẫu hình tư duy mà người đời sau sử dụng một cách vô thức. Chẳng hạn các cuộc lên trời, xuống địa ngục, bé lọ lem bị hành hạ, cùng một bọc trứng nở ra... Một nhà nghiên cứu Mỹ cho thấy mẫu gốc Narkios, một chàng trai trẻ đẹp trong thần thoại Hi Lạp, được mọi người yêu nhưng chẳng yêu ai cả, mà chỉ yêu chính mình, đã đi vào rất nhiều sáng tác của Sêkhôp như *Quyết đấu, Chim hải âu...* Trong một truyện *Tử Thức gấp tiên*, Nguyễn Dữ đã sử dụng không biết bao nhiêu mẫu gốc trong kho tiên thoại Trung Quốc. Truyện *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu, đã sử dụng rất nhiều mẫu gốc của chuyện dân gian và truyện dã sử Trung Quốc¹³. Việc sử dụng mẫu gốc cũng rất quan trọng, dễ có được những rung cảm thẩm mĩ mang đặc điểm truyền thống, dân tộc. Trong thơ Tố Hữu, ta gặp rất nhiều những hình ảnh quen thuộc về kí ức tuổi thơ: *mây gió hiu hiu, chiều lặng lặng, mái nồi man mác nước sông Hương, xanh biếc lòng sông những bóng thông...* Các trang văn của L. Tônxtoï, Tuôcghênhép, Gorki, Kôrôlencô, Bunhin... đều mang đậm những kí ức tuổi thơ như những điểm sáng trong tâm hồn, làm phong phú thêm hình tượng.

Tiếp đến là *năng lực xây dựng hình tượng nghệ thuật*. Đối với nghệ sĩ, đó là năng lực tạo hình, làm cho cuộc sống được tái hiện sinh động như thật. Đến mức, như Gorki kể chuyện, ông đã từng giơ trang sách ra trước mắt để xem có ai giữa những dòng chữ đó không. Hình tượng đó vừa mô tả được hình dáng, màu sắc, vừa thể hiện được thần khí, linh hồn, nhịp điệu, không khí, sự vận động của sự vật. Bài ca mùa thu của Véclen như tiếng thở dài nức nở của cây đàn vĩ cầm. Ở đây đòi hỏi năng lực lựa chọn chi tiết, tổ chức kết cấu, lựa chọn góc độ, giọng điệu, hình khối, ánh sáng, màu sắc để tạo hình tượng. Đó là một năng lực tổng hợp.

¹³Theo Trần Đình Sử. Lí luận văn học, Nxb DHSP, Hà Nội, 2004, trang 140

Thứ ba là *năng lực biểu hiện trong một hình thức đẹp*. Đối với nhà văn, đó là khả năng sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, các thể loại văn học, mà người xưa gọi là dùng từ đắt, câu thần, gây ấn tượng, lời thơ hài hòa rätt du dương. Những áng văn chương kiệt xuất thường được gọi là “tâm thảm ngôn ngữ kì diệu”, là nói tới khả năng này. Dánh giá phong cách kỹ thuật của Khuất Nguyên, Tống Ngọc, Lưu Hiệp viết: “Bộc lộ tình cảm và niềm oán thán thì dồi dào, lưu loát mà dễ làm người xúc cảm; khi nói điều li biệt thì đau xót khôn cầm, khi tả núi sông thì nghe theo thanh âm có thể hình dung được điều miêu tả, khi nói đến mùa màng, thời tiết thì xem văn có thể thấy thời tiết biến đổi”¹⁴. Các từ nhập thần, xảo diệu, hóa công... là để chỉ chất lượng của kỹ xảo nghệ thuật. Có người cho rằng, thơ Trung Quốc nhập thần, xảo diệu cùng cực chỉ có ở Lí Bạch, Dỗ Phủ. Còn *Tây Sương kí* là tác phẩm tự nhiên như hóa công, nghĩa là hoàn mĩ như trời đất sinh ra, không có dấu vết của công phu, trau dồi, kỹ thuật.

Năng lực biểu hiện, tức kỹ thuật, luôn luôn phải được rèn luyện. Theo Gorki “cần học cách thể hiện có hình khối, có góc cạnh với những hình tượng hầu như có thể cảm giác được một cách nhục thể của L. Tônxtôi. Chưa ai vượt được nhà văn này trong nghệ thuật xây dựng những hình tượng thật đến nỗi người ta cứ muốn lấy ngón tay chọc thử”. Còn muốn học ngôn ngữ thì phải học L. Tônxtôi, Gôgônen, Leskôp, Bunhin, Tsêkhôp, Prisvin¹⁵. Tầm quan trọng của năng lực biểu hiện là tạo ra phẩm chất nghệ thuật của hình thức, một yêu cầu không thể thiếu được của một tác phẩm nghệ thuật.

5.2 Quá trình sáng tạo

5.2.1 Động cơ sáng tạo

Có rất nhiều cách giải thích về động cơ như là nguồn gốc của sáng tạo nghệ thuật, như thuyết bản năng bắt chước (Arixtott), thuyết trò chơi (Spencer), thuyết ma thuật tôn giáo (Reinach), thuyết lao động (Plêkhanôp), thuyết bản năng tính dục (Phorôt)... Còn có người cho rằng, nghệ thuật này sinh trong sự đan chéo, tổng hợp của rất nhiều chức năng đời sống như lao động, chiến đấu, tình yêu, tính dục, bảo tồn kí ức, truyền đạt thông tin, ma thuật (Hirn). Chính vì vậy mà nghệ thuật luôn đa dạng về nội dung, bản chất, chức năng chứ không bao giờ giản đơn duy nhất¹⁶. Tất cả các quan điểm trên đều có tính thuyết phục nhất định. Ở đây, chúng tôi xin lưu ý về động cơ sáng tạo ở góc độ chủ thể.

5.2.1.1 Nhu cầu giải thoát nội tâm

Trong vô vàn mối quan hệ của con người đối với hiện thực, tác động của thế giới bên ngoài thường để lại những dấu ấn về xúc cảm, và suy nghĩ, tình cảm và nhận thức trong đời sống tinh thần. Có những ấn tượng đặc biệt sâu sắc, mạnh mẽ và lâu bền, mang đậm tính cảm xúc, được gọi là những *ấn tượng - nhận thức - xúc cảm*. Tất cả những ấn tượng đó đã góp phần tạo nên những khát khao và mơ ước, nghĩ suy, vui buồn, hạnh phúc và khổ đau... Những trải nghiệm tâm tư ấy khi dồn nén, chất chứa đến một mức độ nào đấy cần được

¹⁴Lưu Hiệp. *Văn tâm điêu long*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1999, trang 147

¹⁵M. Gorki. *Bàn về văn học*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1970, trang 36

¹⁶Theo Phương Lựu. *Tiếp tục khởi dòng*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2001, trang 211

bộc lộ. *Khi buồn thì khóc, khi vui thì cười*, đó là sự giải thoát những xúc cảm dồn nén rất tự nhiên của con người.

Như mọi người bình thường khác, nhà văn cũng có nhu cầu giải thoát nội tâm để bộc lộ những ấn tượng, cảm xúc về thế giới. Do bản chất nhạy cảm, dễ rung động, kho tàng luỹ về ấn tượng mĩ cảm của nghệ sĩ thường rất phong phú, sâu nặng, chứa tính xúc cảm cao. Có ấn tượng về kí ức tuổi thơ: *diệu hò quê mẹ, câu quan họ, ngã ba làng, hương sen mùa hạ*. Có tâm sự cá nhân: *Lá ngô lay ở bờ sông, Bờ sông vẫn gió người không thấy về* (Trúc Thông), *Mẹ ta không có yếm đào, Nón mê thay nón quai thao đội đầu* (Nguyễn Duy). Có những khát khao cháy bỏng của thời đại: *Tuổi hai mươi khi hướng đời đã thấy, Thì xa xôi gấp mấy cũng lên đường* (Bùi Minh Quốc). Những ấn tượng - xúc cảm này nhiều khi sâu nặng đến nỗi như “những vết khắc trong tim” (Pautôpxki), như những “nỗi niềm ủn ủn giữa ngực, rạo rực tâm hồn” (Huy Cận). Gánh nặng của những xúc cảm ấy cần phải được bộc lộ, được “giải toả cảm xúc” (Phorôt), được “giải phóng năng lượng” (Vugôtxki), được “giải thoát nội tâm” (Arnaudôp). Nguyên Hồng từng nói: “Những cái tôi viết là những cái yêu thương nhất của tôi, những ước mong nhức nhối nhất của tôi”. Đỗ Chu cũng bộc bạch “Do quá yêu một khung cảnh sông nước mà tôi thấy cần phải viết một cái gì để đèn đáp”¹⁷. Sáng tạo nghệ thuật lúc này trở nên một nhu cầu mãnh liệt, là một phương tiện mạnh mẽ để giải thoát những xúc cảm bị ghìm nén.

Nhu cầu giải thoát ấy mạnh mẽ đến nỗi nếu không được giải thoát, thậm chí thể xác người nghệ sĩ có thể bị rơi vào trạng thái “đe doạ tiêu diệt”. Gót đã phát biểu rằng, nếu không được thở lộ nỗi đau thất tình của mình bằng tác phẩm *Nỗi đau của chàng Vécte* thì có thể ông sẽ bị chết!

Khi những ấn tượng - nhận thức - xúc cảm với rất nhiều cung bậc được dồn chứa, đến một mức độ nào đó, chúng luôn có xu hướng khách thể hóa, trở thành một đối tượng độc lập, khách quan bên ngoài chủ thể để thể hiện quan niệm, tình cảm của người sáng tác bởi “Quá trình sáng tạo chính là quá trình hình thành tích cực những hình thức mang ấn tượng tình cảm”¹⁸. Sự cố gắng bày tỏ tình thần bằng một khách thể thẩm mĩ bên ngoài mình để giải thoát và bộc lộ tình cảm chính là con đường sáng tạo nghệ thuật.

5.2.1.2 Nhu cầu khẳng định và bộc lộ cá tính

Thực chất, việc thở lộ cảm xúc và nhận thức thuộc về bản chất sâu xa của con người. Con người vốn là một thực thể biết tư duy, biết nhận thức, nên luôn có khao khát bộc lộ mình. Đó là niềm khao khát sẵn sinh ra chính mình, ở trong những cái mình nghe và thấy, để lại dấu ấn tinh thần của chính mình trên đối tượng bên ngoài. Tác phẩm nghệ thuật, do đó sẽ là sự nhân đôi mình lên, làm cho cái tồn tại trong nội tâm biến thành trực quan để mình và người khác chiêm ngưỡng¹⁹.

Con người, như Hêghen nói, luôn có nhu cầu sáng tạo, bộc lộ mình, “nhân đôi mình lên” trong thế giới. Đây là một nhu cầu mang bản chất người.

Bình luận về một bức tranh trên đá, xuất hiện cách đây hàng vạn năm, trên đó, đục một bàn tay con người, Kenneth Adam viết: “Khi con người đầu tiên để lại một dấu ấn về bàn tay xoè ra của mình trên bức tường đá đen sẫm, anh ta đã làm một công việc có cân nhắc

¹⁷Các nhà văn nói về văn. Nxb Văn học, Hà Nội, 1986, trang 34-112

¹⁸S. Langer. Triết học trong chìa khóa mới, The New American Library, New York, 1956

¹⁹Hêghen. Mĩ học, tập 1 (sách đã dẫn), trang 97

là đánh dấu sự hiện diện của mình vào thế giới xung quanh mình. Câu chuyện nghệ thuật cũng là sự mở rộng câu chuyện con người tiếp tục nghiên cứu những dấu hiệu có ý nghĩa về hình thể, âm thanh, từ ngữ, bức tranh, vận động múa, để có thể diễn tả một cách hùng hồn những kinh nghiệm của mình về thế giới bên trong và bên ngoài, và thậm chí còn phóng đại sự vĩnh cửu của những kinh nghiệm đó”²⁰.

Như vậy, nghệ thuật từ khói nguyên của nó cho đến tận bây giờ, chính là sự trình bày kinh nghiệm của cái tôi chính mình về thế giới xung quanh. Niềm khao khát sáng tạo chính là niềm khao khát bộc lộ mình. Tác phẩm nghệ thuật, là biểu hiện của giá trị con người phản ánh qua diện mạo sáng tạo của mình bởi “Nghệ thuật là sự khách quan hóa cảm giác và là sự chủ thể hóa tự nhiên”, là “con đường cá nhân hóa hiện thực”²¹. Khi con người gửi gắm những ý tưởng và nguyện vọng mà mình cho là đẹp, là thật, thì cuộc theo đuổi cái đẹp, cái thật đó chính là con đường đi tìm bản sắc riêng của tác phẩm và cũng là con đường đi tìm và khẳng định bản ngã của mình, khẳng định một cái tôi cá tính. Con đường đó thật dài lâu và vô hạn đối với mỗi cá thể và nhân loại.

5.2.1.3 Nhu cầu đồng cảm, chia sẻ

Bên nhu cầu tự biểu hiện, con người chỉ trở thành nghệ sĩ khi có nhu cầu đồng cảm và giao tiếp bằng hình tượng nghệ thuật. Không phải ngẫu nhiên mà các nhà thơ đã phát biểu: *Thơ là một điệu hồn đi tìm các hồn đồng điệu; Thơ là tiếng nói tri âm* (Tố Hữu).

Nghệ thuật chính là phương tiện để đồng cảm, thuyết phục khi mong muốn người khác tiếp xúc, thấu hiểu những kinh nghiệm đời sống, những thể nghiệm chân lí, những khát khao bày tỏ mãnh liệt: người nghệ sĩ luôn muốn truyền đạt một cách hào phóng nhất tất cả những cái phong phú của tư tưởng và tình cảm đang tràn ngập trong chính tâm hồn nhà văn²². Khát vọng đồng điệu muôn được chia sẻ này đã giúp nghệ sĩ kéo dài, mở rộng những giới hạn nhất thời, những kinh nghiệm cá nhân để hòa nhập với đồng loại và vĩnh cửu. Để thực hiện được điều đó, nghệ thuật là phương tiện hữu hiệu nhất.

5.2.2 Bản chất quá trình sáng tạo

5.2.2.1 Cơ chế chuyển đổi cảm xúc, tư tưởng thành hình tượng

Khác với người bình thường, nghệ sĩ đã tìm đến các hình thức nghệ thuật, các hình thức cảm tính đời sống (Hêghen) để giải thoát cảm xúc, làm sáng tỏ tinh thần và tìm sự đồng cảm. Đây cũng là bản chất của quá trình sáng tạo nghệ thuật.

Theo Vugôtxki, con người hai cách giải thoát cảm xúc: thể xác (bộc lộ bằng phản ứng cơ thể, vẻ mặt, lời nói, tuyển tiết), và tinh thần (tưởng tượng)²³. Tưởng tượng chính là phương diện tinh thần của sự giải tỏa cảm xúc, suy nghĩ. Như một cơ chế tinh thần đặc thù, một thao tác sáng tạo, tưởng tượng đã góp phần chuyển cảm xúc, tư tưởng sang những hình tượng nghệ thuật sinh động.

Chính tưởng tượng đã giúp con người bộc lộ ấn tượng - nhận thức - xúc cảm bằng các biểu tượng, cơ sở cảm tính đầu tiên của hình tượng nghệ thuật, làm cho các hình thức cảm

²⁰Theo G. Barry, J. Bronowski. *Các loại hình nghệ thuật*, Garden City, New York, 1965, trang 20

²¹S. Langger (sách đã dẫn), 1956

²²Pautôpxki. *Bông hồng vàng*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1982, trang 28

²³Vugôtxki. *Tâm lí học nghệ thuật* (sách đã dẫn), trang 248

tính của đồi sóng như âm thanh nhịp điệu, hình ảnh, màu sắc, hình khối... trở nên có ý nghĩa, và khi tái hiện lại, đó không chỉ là hiện tượng khách quan được mô tả mà đã bao hàm, xuyên thấu tình cảm và cái nhìn chủ quan bên trong. Một vầng trăng ai xé làm đôi (Nguyễn Du) đâu chỉ là hiện tượng tự nhiên, mà còn là kí hiệu của tâm trạng lẻ loi, buồn bã, cô đơn của con người đang đối diện vầng trăng đó. Một tiếng ngỗng đêm thu (Nguyễn Khuyến) gợi không gian mênh mông xa vắng, tĩnh mịch của đêm sâu. Biểu tượng đó được coi là những hình thức đồi sóng mang một ý nghĩa, một giá trị khác. Trong biểu tượng, vừa có ý nghĩa cụ thể, vừa có ý nghĩa khái quát, vừa có cái nhìn hữu hình của đồi sóng, vừa có cái vô hình của những cảm xúc và quan niệm. Vì thế, có ý kiến cho rằng, biểu tượng là một phát minh vĩ đại, là trung tâm của những thành tựu sáng tạo cao nhất của loại người, nhờ đó mà có nghệ thuật, văn học và huyền thoại²⁴ hoặc “nghệ thuật là sự sáng tạo hình thức kí hiệu của tình cảm”²⁵.

Mỗi hình thức đồi sóng, khi trở thành kết quả của quá trình sáng tạo bao giờ cũng là biểu tượng góp phần mã hóa một nội dung hiện thực, tư tưởng và cảm xúc nào đó. Cho nên, khi nói về bản chất sáng tạo, Phorrot cho rằng, ý thức con người đi từ thế giới tưởng tượng, dịch những ham muốn vô thức thành hình tượng²⁶, Vugôtxki cũng khẳng định: cảm xúc trong nghệ thuật phải được giải quyết bằng tưởng tượng²⁷, còn Arnaudôp cũng nhấn mạnh, tâm trạng phải được thể hiện bằng hình ảnh tương ứng²⁸. Nghệ sĩ, do đó, là người phiên dịch, chuyển đổi những ấn tượng, cảm xúc, nhận thức thành ngôn ngữ nghệ thuật.

Đặc biệt, trí tưởng tượng giúp khả năng chuyển ý chí thành ý tượng, có nghĩa là ý và tư tưởng, cảm xúc biến thành lời ca, khúc nhạc, bức tranh. Nhờ tưởng tượng, các cảm xúc và quan niệm được mã hóa bằng các hình ảnh, màu sắc, hình khối, âm thanh, con người... mang tính biểu tượng. Hình ảnh *Ngǎng đầu mái tóc mẹ rung, Gió lay như sóng biển tung trăng bờ* (Tố Hữu), vừa là bức chân dung mẹ Suốt, vừa là tấm lòng ngợi ca của nhà thơ, vừa là tư thế hiên ngang bất khuất của con người Việt Nam thời chống Mỹ... Đúng như Héghen nhận xét: Để cho một chân lí nào đấy có thể trở thành nội dung thật sự của nghệ thuật, thì nội dung ấy phải có khả năng chuyển một cách thích hợp sang một hình thức cảm quan²⁹. Do tưởng tượng quy định, mỗi yếu tố đồi sóng sẽ tương đồng với một quan niệm, một tình cảm nhất định. *Con thuyền*: số phận long đong, trôi nổi. *Lá vàng, hoa cúc*: mùa thu. *Trăng khuyết*: cô đơn. *Cánh buồm*: khát khao chân trời rộng. *Dớm lửa giữa đêm đông*: hy vọng. Nghệ thuật đã làm cho con người, bằng tưởng tượng, nhập cảm tâm hồn vào những hình thức không hồn trong đồi sóng. Đây chính là một thao tác đưa cảm nhận của con người vào tự nhiên và tạo vật mà phương Tây gọi là thuyết “di chuyển tình cảm” và phương Đông gọi là kí thác. Khuất Nguyễn kí thác tâm sự vào hoa thơm cổ đại. Trang Chu mượn chuyện bướm hóa người để nói chuyện thực hư. Nguyễn Trãi miêu tả tài năng, khí phách, phẩm chất của mình qua phẩm chất cây tùng. Đằng sau những hình thức đồi sóng đó là những ước muôn, khát khao, thù hận, vui buồn. Nghệ thuật cho ta thấy rằng cuộc đời mang nhiều nghĩa bí ẩn chứ không hề giản đơn tràn trui tí nào.

Nhờ tưởng tượng, các ấn tượng, nhận thức, xúc cảm về đồi sóng trở thành hình tượng

²⁴H. Gardner. *Cơ cấu trí khôn*, Nxb Giáo dục, H, 1998, trang 35

²⁵S. Langer. *Tình cảm và hình thức*, New York, 1953

²⁶Vugôtxki. *Tâm lí học nghệ thuật* (sách dã dẵn), trang 248

²⁷Vugôtxki. *Tâm lí học nghệ thuật* (sách dã dẵn), trang 254

²⁸Arnaudôp. *Tâm lí học sáng tạo văn học* (sách dã dẵn), trang 525

²⁹Héghen. *Mĩ học*, tập 1 (sách dã dẵn), trang 67

nghệ thuật, mang đầy cá tính sáng tạo, mới mẻ, không lặp lại. Sáng tạo, theo Gört, là tái hiện tạo hình những ấn tượng đã có và thức tỉnh bạn đọc bằng ấn tượng tươi mới và nhiều màu vẻ mà bản thân tác giả đã kinh qua³⁰. Theo Macxen Prút, thế giới được tạo lập không phải một lần mà bao nhiêu lần các nghệ sĩ độc đáo xuất hiện thì bấy nhiêu lần nó được tạo lập³¹. Sáng tạo là sự vật lộn làm sáng tỏ tâm hồn bằng các hình thức nghệ thuật, để các hình thức ấy là duy nhất và vĩnh viễn.

Khát khao đó buộc phải tìm đến các hình thức nghệ thuật để thể hiện. Đó là trạng thái sáng tác, một trạng thái tinh thần rung động đến tận cùng, chỉ biết đi theo sự dẫn dắt của cảm hứng, của cái đẹp, của nghệ thuật.

5.2.2.2 Cảm hứng, trạng thái tâm lí then chốt và bao trùm trong sáng tạo

Nhu cầu bộc lộ, giải thoát tình cảm cộng với năng lực tưởng tượng dẫn đến trạng thái sẵn sàng sáng tạo của nhà văn được gọi là cảm hứng.

Cảm hứng, theo tiếng Hi Lạp, là *pathos*, thể hiện một tình cảm sâu sắc, nồng nàn, một trạng thái phấn hứng cao độ về tư duy.

Cảm hứng là một trạng thái tâm lí căng thẳng nhưng say mê khác thường. Sự căng thẳng của ý chí và trí tuệ, sự dồn dập về cảm xúc, khi đã đạt đến sự hài hòa, kết tinh, sẽ cháy bùng trong tư duy nghệ thuật của nhà văn, dẫn dắt họ đến những mục tiêu bằng con đường gần như trực giác, bản năng.

Trạng thái đó mang tính bột phát, bất ngờ, và năng lực hoạt động lúc có cảm hứng vượt lên hẳn năng lực bình thường. Người xưa nói *bút như có thần* hoặc các nhà văn dùng hình ảnh *tia chớp, tia lửa điện* trong sáng tạo là nói ý đó³². Trong giờ phút có cảm hứng, nghệ sĩ làm việc say mê khác thường, quá trình sáng tạo diễn ra với cường độ cao nhất, có kết quả nhất. Lúc đó, những hình tượng, tư tưởng dường như tự nảy sinh. Tình cảm, ý chí trở nên sắc sảo, làm việc nhẹ nhàng, hiệu suất cao.

Chính vì thế, có nhiều cách lý giải cảm hứng khác nhau. Đặc biệt là cách lý giải có vẻ duy tâm. Xem văn nghệ sĩ là công cụ của một sức mạnh huyền bí, Platô cho rằng, sáng tạo là giây phút thần linh nhập vào người. Ở trạng thái đó, nghệ sĩ có khả năng sáng tạo được những điều kì diệu. Cảm hứng do đó, được coi là sự khai thị của thần linh. Còn mĩ học phương Đông cho rằng cảm hứng là giây phút thiên nhân hợp nhất, cá nhân con người và vũ trụ lúc ấy cùng dung hợp trong một cảnh giới (hoàn cảnh tự nhiên). Đó là phút giây hiếm hoi của sáng tạo. Ngòi bút lúc ấy bị lôi cuốn bởi một sức mạnh vô hình lúc đó chiếm toàn bộ tâm trí. Âu Dương Tu có nói rằng khi sáng tác giống như được thôi miên dẫn vào cõi mộng vì lẽ đó.

Xưa kia, Hômero cũng gán cảm hứng sáng tác của mình là do thần Dót và thần Apôlông khai sáng. Puskin thừa nhận mình sáng tác ngay trong giấc mơ, buộc phải vùng dậy và ghi lại những câu thơ đến trong giấc mơ. Cách lý giải này đem đến sự huyền bí của cảm hứng sáng tạo.

Nhưng thực chất, cảm hứng chỉ có thể là kết quả bất ngờ của việc suy tư lâu dài về điều gì đó. Traicôpxki đã nói chí lí rằng cảm hứng là khách hàng không ưa đến thăm những kẻ

³⁰Arnaudôp. *Tâm lí học sáng tạo văn học* (sách đã dẫn), trang 84

³¹Arnaudôp. *Tâm lí học sáng tạo văn học* (sách đã dẫn), trang 91

³²Pautôpxki. *Bóng hồng vàng* (sách đã dẫn), trang 58

lười. Sinle nói: Cái mà đã uổng công trong suốt mấy tuần liền, thì lại được giải quyết trong ba ngày nhờ một tia nắng dịu, song rõ ràng là sự thường xuyên của tôi đã chuẩn bị cho bước phát triển đó³³.

Cảm hứng rõ ràng không xuất hiện tự nhiên mà được chuẩn bị bởi một quá trình làm việc cẩn thảng của tư tưởng do tính tích cực của trí tưởng tượng, do dồn nén cảm xúc, do nung nấu những ấn tượng quan sát cụ thể, những kinh nghiệm đã có trong tiềm thức, đến một lúc nào đó lóe sáng như tia lửa điện mà Pautópxki gọi là tia chớp sáng tạo.

Cảm hứng có lúc cũng cần một số điều kiện bên ngoài nào đó. Andécxen thích nghĩ ra những câu chuyện thần tiên trong khu rừng. Chỉ ở chốn thôn quê thanh vắng thì hồn thơ của Puskin mới tuôn trào. Còn Díchken nếu phải rời phố xá Luân Đôn ồn ào, sầm uất, sẽ không viết được dòng nào. Đó là những thói quen gợi cảm hứng cho nghệ sĩ. Ngoài ra, những tác nhân đặc biệt cũng khơi nguồn cảm hứng: Bông hoa nhỏ ép trong trang sách (Puskin), tiếng chày đập vải (Đỗ Phủ), ánh trăng ngoài cửa sổ (Hồ Chí Minh)... Tuy nhiên, đây chỉ là những tác nhân bề ngoài, ngẫu nhiên, còn thực chất của cảm hứng vẫn là độ nhạy cảm của con tim và kho tàng lũy các ấn tượng và kinh nghiệm đời sống để một phút bất ngờ nào đó, toàn bộ năng lực tinh thần của người sáng tạo được tập trung cao độ nhất và lóe sáng thành tia chớp sáng tạo.

Tài năng là những phẩm chất đặc biệt giải thích những điều kiện để người nghệ sĩ sáng tạo nên tác phẩm nghệ thuật. Quá trình sáng tạo nghệ thuật là quá trình tâm lí - thẩm mĩ phức tạp, là giai đoạn chuyển tất cả những rung động, nhận thức, tư tưởng, tình cảm của con người về đời sống trở thành những hình tượng nghệ thuật. Hiểu được quá trình này là hiểu được cơ chế sáng tạo nghệ thuật và công việc lao động nghệ thuật dù thầm lặng song cũng đầy gian nan, vất vả, trong một niềm say mê vô tận của nhà văn.

5.3 Hướng dẫn học tập

Kiến thức cơ bản cần nắm vững

- Nhà văn là người có những tiềm lực tinh thần và tình cảm và kiến thức đặc biệt mới có thể biến mọi nhận thức, suy nghĩ, tình cảm, ước mơ của mình thành hình tượng nghệ thuật có khả năng chinh phục, làm xúc động lòng người.
- Quá trình sáng tạo là một quá trình phức tạp, trong đó tưởng tượng và cảm hứng là hai trạng thái cơ bản và then chốt nhất.

Câu hỏi

- Tài năng của nhà văn bao gồm những phương diện nào?
- Năng lực cảm thụ thẩm mĩ của nhà văn là gì? Cho thí dụ.
- Năng lực thể hiện thẩm mĩ biểu hiện ở những phương diện nào?
- Trình bày tóm tắt quá trình sáng tạo của nhà văn.
- Tưởng tượng góp phần chuyển cảm xúc, nhận thức, tư tưởng sang hình tượng như thế nào?

³³Theo Arnaudóp. *Tâm lí học sáng tạo văn học* (sách đã dẫn), trang 392

6. Cảm hứng sáng tạo là gì? Cảm hứng có vai trò gì trong sáng tạo?

Bài tập

1. Qua bài thơ *Vội vàng* sau đây của nhà thơ Xuân Diệu, hãy nêu những nhận xét về năng lực thẩm mĩ của nhà thơ trong sáng tạo nghệ thuật:

*Tôi muốn tắt nắng đi,
Cho màu đừng nhạt mất;
Tôi muốn buộc gió lại,
Cho hương đừng bay đi.*

*Của ong bướm này đây tuần trăng mật;
Này đây hoa của đồng nội xanh rì;
Này đây lá của cành tơ phơ phát;
Của yến anh này đây khúc tình si
Và này đây ánh sáng chớp hàng mi.
Mỗi sáng sớm thần Vui hăng gõ cửa;
Tháng giêng ngon như một cặp môi gần;
Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa:
Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân*

*Xuân đương tới nghĩa là xuân đang qua,
Xuân còn non nghĩa là xuân sẽ già,
Mà xuân hết nghĩa là tôi cũng mất.
Lòng tôi rộng nhưng lượng đói cứ chật,
Không cho dài thời trẻ của nhân gian,
Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn
Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thầm lại!
Còn trời đất nhưng chẳng còn tôi mãi,
Nên băng khuâng tôi tiếc cả đất trời;
Mùi tháng năm đều róm vị chia phôi,
Khắp sông núi vẫn than thầm tiễn biệt.
Cơn gió xinh thì thào trong lá biếc,
Phải chẳng hờn vì nỗi phải bay đi?
Chim rộn ràng bỗng đứt tiếng reo thi,
Phải chẳng sợ độ phai tàn sắp sửa?
Chẳng bao giờ, ôi! Chẳng bao giờ nữa...
Mau đi thôi! Mùa chưa ngả chiều hôm,*

*Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơ mơ;
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều*

*Và non nước, và cây và cỏ rạng,
Cho chuyênh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,
Cho no nê thanh sắc của thời tươi:
- Hỡi xuân hồng ta muôn cắn vào người!*

2. Qua truyện ngắn *Chí Phèo* của Nam Cao, hãy nhận xét:
 - a. Năng lực quan sát và phát hiện thẩm mĩ của tác giả trong việc mô tả hiện thực
 - b. Những chi tiết độc đáo được thể hiện qua việc tổ chức, bố cục, xây dựng hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm này.
3. Tìm một số câu thơ, đoạn thơ mà anh chị cho rằng đó là những phán đoán trực giác. Phân tích giá trị nghệ thuật của những câu thơ và đoạn thơ đó.
4. M. Gorki nhận xét: “Trong văn học, trí tưởng tượng, sự hư cấu, trực giác đóng vai trò quyết định” (Gorki. *Bàn về văn học*, tập 1, Nxb Văn học, Hà Nội, 1965, trang 267). Hãy làm sáng tỏ nhận xét trên bằng lí luận và thực tiễn văn học.

Tài liệu tham khảo

1. N. Arnaudđop. *Tâm lí học sáng tạo văn học*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1978
2. K. Pautôpxki. *Bóng hồng vàng*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1982
3. K. Pautôpxki. *Một mình với mùa thu*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1984